

THÀNH NGỮ BIỂU HIỆN Ý NGHĨA CỰC CẤP TRONG TIẾNG VIỆT

PHẠM HÙNG DŨNG*

1. Ý nghĩa “cực cấp” (superlative/superlatif) là sự diễn đạt nghĩa tốt độ, tốt cùng, tốt đỉnh, không thể hơn được nữa và cũng không thể so sánh hơn được nữa về tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng.

Người Việt thường dùng các hình thức biểu hiện như *béo như trâu truong, cao như núi, đen như cột nhà cháy, bé hạt tiêu, nghèo rớt mồng tơi, dốt đặc cán mai, ...* Đây là các *thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp* đặc trưng của tiếng Việt. Bài viết đề cập đến đặc điểm hình thức của *thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp* trong tiếng Việt.

2. Thành ngữ tiếng Việt đa dạng về mặt ngữ pháp, ngữ nghĩa và dụng học được các nhà Việt ngữ học đặc biệt quan tâm nghiên cứu. Theo phân loại của Hoàng Văn Hành, thành ngữ tiếng Việt có 3 kiểu loại : kiểu loại 1 : thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng ; kiểu loại 2 : thành ngữ ẩn dụ hoá phi đối xứng ; kiểu loại 3 : thành ngữ so sánh [2].

Dựa trên kết quả khảo sát những thành ngữ trong các *Từ điển thành ngữ tiếng Việt*, chúng tôi nhận thấy các *thành ngữ có ý nghĩa cực cấp* được biểu hiện trong cả hai loại : thành ngữ so sánh và thành ngữ không phải so sánh.

2.1. Thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp có yếu tố so sánh

So sánh (compare) là một thao tác tư duy nên phép so sánh là một hình thức diễn đạt phổ quát của ngôn ngữ.

Thông thường, người ta cho rằng “*So sánh là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém. So sánh với bản gốc. So sánh lực lượng hai bên. Lập bảng so sánh.*” [9]. Hay nói rõ hơn “*So sánh là đưa một vật ra xem xét sự giống nhau, khác nhau, sự hơn kém về một phương diện với một khác được coi là chuẩn. Có thể không phải chỉ một mà là nhiều sự*

* ThS, Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn

vật, nhiều thuộc tính được so sánh”. Dựa trên yếu tố được so sánh và yếu tố chuẩn, người ta chia phép so sánh thành các loại: so sánh ngang, so sánh hơn/kém, so sánh không nhằm xác định hơn kém [6] và dùng các mô hình của phép so sánh như:

a) *A như / tựa như / chừng như B ; A bao nhiêu B bấy nhiêu ; A là B* [4], [11] ;

b) *At như B, t là thuộc tính của A* [2] ;

c) Cấu trúc tuyến tính gồm 4 yếu tố :

- yếu tố 1 được so sánh với chuẩn (YTĐ/BSS) ;
- yếu tố 2 về phương diện so sánh (YTPD) ;
- yếu tố 3 thể hiện quan hệ trong so sánh (YTQH) ;
- yếu tố 4 chuẩn để so sánh (YTSS), ví dụ [6] :

1	2	3	4
YTĐ/BSS	YTPD	YTQH	YTSS
<i>Mặt</i>	<i>Tươi</i>	<i>Như</i>	<i>Hoa</i>

Ngoài ra, người ta còn cho rằng so sánh là một hình thức “*diễn đạt một cách sinh động, có hình ảnh, thể hiện sự nhận thức về đối tượng được nói đến và thể hiện sự đánh giá, thái độ, tình cảm, xúc cảm đối với đối tượng đó*” (...) “*giúp cho việc tiếp nhận thuận lợi hơn nhiều là vì những điều trừu tượng đã được chuyển thành sự vật cụ thể, gần gũi*” [7].

Tuy nhiên, bên cạnh đó, so sánh còn được dùng để biểu hiện ý nghĩa cực cấp về tính chất, trạng thái của các sự vật, hiện tượng được so sánh với nhau ; có thể gọi là so sánh ý nghĩa cực cấp. Điều này đã được các nhà nghiên cứu khẳng định.

Khi nói về ý nghĩa cực cấp của các thành ngữ có kết cấu mở đầu bằng *như* (kiểu *đỏ như son*), Cao Xuân Hạo đã cho biết : “Ngày nay (...) hình như chưa có ai nói đến nghĩa này” (nghĩa cực cấp) [3]. Và chính Hoàng Văn Hành cũng xác nhận các thành ngữ như *lạnh như tiền, chậm như rùa, rách như xơ mướp, ...* “*biểu thị mức độ cao và biểu trưng cho một vẻ nào đó gây cảm giác nhất định*

theo sự bình giá của người nói.” (...) “Đây là một hướng nghiên cứu lí thú mà chúng tôi chưa có điều kiện đi sâu” [2].

Dựa vào công trình sưu tập thành ngữ của Hoàng Văn Hành, chỉ khảo sát về thành ngữ so sánh biểu hiện ý nghĩa cực cấp, chúng tôi nhận thấy 494 thành ngữ có yếu tố so sánh theo mô hình *t như B* hay *2-3-4*.

Ví dụ : *bạc như vôi, bản như hủi, buồn như cha chết, cao như núi, chậm như rùa, chua như dấm, dai như đĩa, đẹp như tiên, đỏ như son, hiền như bụt, im như thóc, lành như đất, khỏe như vâm, kín như bưng, rẻ như bèo, yếu như sên, ...*

Thật ra các thành ngữ so sánh có hai yếu tố/vế thường có tính đối xứng gắn với nhau. Yếu tố thứ nhất là một vị từ trạng thái chỉ tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng được so sánh. Yếu tố thứ hai là ngữ đoạn mang ý nghĩa cực cấp về tính chất, trạng thái, hành động, quá trình vốn có của sự vật, hiện tượng để so sánh và ngữ đoạn này bao giờ cũng thường được bắt đầu bằng *như*. Chính yếu tố thứ hai biểu hiện ý nghĩa cực cấp của thành ngữ so sánh.

Có thể nói, trong cấu trúc thành ngữ so sánh biểu hiện ý nghĩa cực cấp thì yếu tố thứ hai là yếu tố so sánh có vai trò quan trọng. Chính yếu tố so sánh này biểu thị tính chất, trạng thái điển hình chuẩn của sự vật, hiện tượng để tạo nên ý nghĩa cực cấp cho yếu tố thứ nhất.

Khảo sát 494 thành ngữ so sánh, chúng tôi nhận thấy yếu tố thứ hai là các đơn vị từ vựng biểu thị :

- động vật không có thật : *bụt, hủi, ma, quỷ sứ, thần, tiên, ... ;*
- động vật có thật : *bò, chó, cú, cua, đĩa, hạc, hùm, quạ, rùa, sáo, sếu, sóc, thỏ, trâu, voi, ... ;*
- sự vật : *bông, bún, chì, cước, đá, đèn cù, đồng, mẽ, mía, mực, ngói, thép, thóc, tương, sắt, vôi, ... ;*
- hoạt động : *cắt, chùi, dần, đúc, hát, lau, lột, múa, tạc, ... ;*
- quá trình : *cháy, chớp, gió, vũ bão, ...*

Quá trình sống của con người luôn luôn gắn với thế giới tự nhiên. Thế giới tự nhiên có tác động thuận lợi và không thuận lợi đến đời sống của con người. Từ

xa xưa, nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển, con người buộc phải có các hoạt động chế ngự tác động không thuận lợi của tự nhiên. Khi không thể chế ngự được tự nhiên, con người thường tưởng tượng ra những thế lực siêu nhiên giả tưởng để giải thích, trấn an, mơ ước, ... Vì vậy, có thể nói các động vật không có thật/có thật, sự vật, hoạt động, quá trình đã nêu gắn liền trong tư tưởng của con người, coi đó là điển hình của chuẩn để so sánh với sự vật, hiện tượng khác và không có gì hơn nữa để thay thế cho các chuẩn này. Nghĩa là các động vật không có thật/có thật, sự vật, hoạt động, quá trình này vốn có tính chất, trạng thái đặc trưng điển hình mà so với cùng loại hoặc khác loại nhưng cùng tính chất, trạng thái thì không thể có được, không sánh được.

Thành ngữ là những cách nói đã được chấp nhận và ưa dùng đến mức trở thành thói quen sử dụng của cộng đồng người bản ngữ. Thói quen này bắt nguồn một phần từ sự tri nhận mang tính dân tộc đối với thế giới khách quan cũng như đời sống tinh thần. Trong nhận thức của người Việt, *đẹp* là tính chất đặc trưng điển hình của *tiên* mà con người bình thường không thể sánh được ; *chậm* là tính chất đặc trưng điển hình của *rùa* mà không có một con vật nào chậm hơn thế ; *nhANH* là tính chất đặc trưng của quá trình *gió* ; *đau* là trạng thái tất yếu của hành động *cắt* ; ... Các đơn vị từ vựng này biểu hiện ý nghĩa tốt cùng, *ý nghĩa cực cấp* và không thể hơn được nữa.

Khi so sánh, bao giờ người ta cũng so sánh hai hay nhiều sự vật, hiện tượng cùng loại với nhau hoặc nếu không cùng loại thì các sự vật, hiện tượng phải cùng tính chất, trạng thái. Tuy nhiên, khi thể hiện đôi khi có sự trái ngược, có nghĩa là so sánh tính chất, trạng thái với sự vật, hiện tượng như *đẹp như tiên*, *chậm như rùa*, *nhANH như gió*, *đau như cắt*, ... Đây là cách nói chuyển nghĩa. Tính chất, trạng thái là thuộc tính của sự vật, hiện tượng, nó cần có vật quy chiếu. Khi vật quy chiếu biểu hiện tính chất, trạng thái tiêu biểu, điển hình thì có thể gọi tên sự vật, hiện tượng đó thay cho tính chất, trạng thái ; có nghĩa là tính chất, trạng thái ngầm ẩn. Chính lẽ đó, người Việt nói : *đẹp như tiên*, *chậm như rùa*, *nhANH như gió*, *đau như cắt*, ... Rõ ràng *tiên*, *rùa*, *gió*, *hùm*, *cha chết*, *con trâu trơng*, *Trương Phi*, ... là gọi tên sự vật, hiện tượng biểu hiện tính chất, trạng thái điển hình, đặc trưng mang *ý nghĩa cực cấp* được dùng để bỏ nghĩa cho yếu tố thứ nhất là vị từ trạng thái, tạo thành hình thức thành ngữ so sánh biểu hiện *ý nghĩa cực cấp*.

Về cấu tạo, yếu tố thứ hai, như đã trình bày, là một ngữ đoạn bao giờ cũng bắt đầu bằng *như* (có một số ít là *bằng, tày*). Bởi “*Trong thành ngữ so sánh, thành phần biểu thị quan hệ so sánh và cái so sánh [có thể gọi là cấu trúc so sánh (như B)] là một bộ phận bắt buộc và ổn định trên cấu trúc bề mặt cũng như cấu trúc sâu. Nếu phá vỡ cấu trúc so sánh thì sẽ không còn thành ngữ so sánh nữa. Sự lựa chọn từ ngữ biểu thị quan hệ so sánh và cái so sánh mang tính dân tộc sâu sắc (...) trong thành ngữ so sánh thì như và tày được dùng nhiều hơn cả*” [2]. Và sau *như* có thể là :

- danh từ/ngữ danh ngữ : *ác như hùm, bạc như voi, bản như hổ, bé bằng con kiến, bé bằng cái móng tay, cao như núi, gầy như hạc, im như thóc, kín như bưng, lạnh như tiền, ngu như bò, nhanh như sóc, trơ như phông, xấu như ma, béo như con cun cút, giàu như thạch sùng, đẹp như tranh tô nữ, mỏng như tờ giấy, nóng như Trương Phi, buồn như cha chết, dai như đĩa xôi, đau như dao cắt, mừng như cha chết sống dậy, ... ;*

- ngữ vị từ : *dễ như trở bàn tay, đau như xát muối, đắng như ngậm bồ hòn, mạnh như chẻ tre, mừng như (bắt) được của, mừng như (bắt) được vàng, ...*

Có thể khái quát mô hình (pattern) của thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp có yếu tố so sánh như sau :

Yếu tố thứ nhất chỉ tính chất, trạng thái của SV/HT	Từ công cụ so sánh	Yếu tố thứ 2 chỉ SV/HT có tính chất, trạng thái chuẩn ý nghĩa cực cấp	Thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp có yếu tố so sánh
<i>ác</i>	<i>như</i>	<i>hùm</i>	<i>Ác như hùm</i>
<i>bản</i>	<i>như</i>	<i>hổ</i>	<i>Bản như hổ</i>
<i>buồn</i>	<i>như</i>	<i>cha chết</i>	<i>Buồn như cha chết</i>
<i>dai</i>	<i>như</i>	<i>đĩa xôi</i>	<i>Dai như đĩa xôi</i>
<i>khỏe</i>	<i>như</i>	<i>voi</i>	<i>Khỏe như voi</i>
<i>sáng</i>	<i>như</i>	<i>ban ngày</i>	<i>Sáng như ban ngày</i>
<i>Vui</i>	<i>như</i>	<i>trầy hội</i>	<i>Vui như trầy hội</i>

Đối chiếu với hình thức tương đương trong tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp có yếu tố so sánh là một cấu trúc : as + adjective + as + noun. Ví dụ :

<i>đen như mực</i>	→	<i>as black as ink</i>
<i>khỏe như vâm</i>	→	<i>as fit as a fiddle</i>
<i>gầy như con mắm</i>	→	<i>as flat as board</i>
<i>nhanh như chớp</i>	→	<i>as rapid as lightning</i>
<i>bẩn như hủi/ma lem</i>	→	<i>to be as dirty as a leper</i>
<i>xấu như ma</i>	→	<i>as ugly as a scarecrow/sin</i>
<i>trắng như tuyết</i>	→	<i>as white as snow, ...</i>

Cũng giống như tiếng Việt, thành ngữ tiếng Anh cũng dùng yếu tố thứ hai là yếu tố so sánh. Yếu tố so sánh thường biểu thị :

- động vật không có thật, như :

<i>xấu như ma</i>	→	<i>as ugly as a scarecrow/sin</i>
<i>bẩn như hủi/ma lem</i>	→	<i>to be as dirty as a leper, ... ;</i>

- động vật có thật, như :

<i>ác như hùm</i>	→	<i>as fierce as a tiger</i>
<i>ngu như lừa</i>	→	<i>as stupid as a donkey</i>
<i>vui như sáo</i>	→	<i>as gay as a lark</i>
<i>yếu như sên</i>	→	<i>as weak as a baby, ... ;</i>

- sự vật, như :

<i>đen như mực</i>	→	<i>as black as ink</i>
<i>đen như bồ hóng</i>	→	<i>as black as soot</i>
<i>đen như than</i>	→	<i>as black as coal</i>
<i>nặng như chì</i>	→	<i>as heavy as lead, ... ;</i>

- quá trình, như :

<i>nhanh như chớp</i>	→	<i>as rapid as lightning</i>
<i>sáng như ban ngày</i>	→	<i>as bright as day</i>
<i>trắng như tuyết</i>	→	<i>as white as snow, ... ;</i>

- hoạt động, như :

<i>vui như hội</i>	→	<i>as good as play, ...</i>
--------------------	---	-----------------------------

Từ sự đối chiếu này, có thể nói thành ngữ so sánh *ý nghĩa cực cấp* là một phạm trù phổ quát trong các ngôn ngữ .

2.2. Thành ngữ biểu hiện *ý nghĩa cực cấp* không có yếu tố so sánh

Các thành ngữ như : *bé hạt tiêu, gan cóc tía, gàn bát sách, giàu nứt đố đổ vách, dốt đặc cán mai, thẳng ruột ngựa, ngang càn búa, sạch nước cần, nghèo rớt mồng tơi, trơ mắt ếch, lử cò bọ, chán đến mang tai*, là thành ngữ ẩn dụ hóa phi đối xứng có kết cấu là ngữ tính từ [2].

Có thể coi đây là những thành ngữ biểu hiện *ý nghĩa cực cấp* không có yếu tố so sánh. Cấu trúc của những thành ngữ này có hai yếu tố : yếu tố thứ nhất là các vị từ trạng thái có hàm nghĩa thang độ và yếu tố thứ hai là một ngữ đoạn so sánh không hiển ngôn được dùng để biểu hiện *ý nghĩa cực cấp* của thành ngữ đó. Yếu tố thứ hai là ngữ đoạn biểu thị sự vật, hiện tượng được tỉnh lược yếu tố công cụ *như, đến* phía trước.

Khảo sát các thành ngữ như *bé hạt tiêu, gan cóc tía, gàn bát sách, giàu nứt đố đổ vách, dốt đặc cán mai, thẳng ruột ngựa, ngang càn búa, nghèo rớt mồng tơi, trơ mắt ếch, ...* có thể nhận thấy yếu tố thứ hai thực chất là một ngữ đoạn chỉ sự vật, hiện tượng vốn có thuộc tính đặc trưng điển hình về tính chất, trạng thái so với các sự vật, hiện tượng khác và được tỉnh lược yếu tố công cụ *như, đến* để gắn với vị từ trạng thái tạo nên thành ngữ ẩn dụ biểu hiện *ý nghĩa cực cấp* về tính chất, trạng thái.

<i>bé như hạt tiêu</i>	→	<i>bé hạt tiêu</i>
<i>gan như cóc tía</i>	→	<i>gan cóc tía</i>
<i>gàn như bát sách</i>	→	<i>gàn bát sách</i>
<i>ngang như càn búa</i>	→	<i>ngang càn búa</i>
<i>dốt đến đặc như cán mai</i>	→	<i>dốt đặc cán mai</i>
<i>thẳng như ruột ngựa</i>	→	<i>thẳng ruột ngựa</i>
<i>nghèo đến rớt mồng tơi</i>	→	<i>nghèo rớt mồng tơi</i>
<i>giàu đến nứt đố đổ vách</i>	→	<i>giàu nứt đố đổ vách</i>
<i>mong đến đỏ con mắt</i>	→	<i>mong đỏ con mắt, ...</i>

Có thể khái quát mô hình (pattern) của PTCC là thành ngữ biểu hiện *ý nghĩa cực cấp* không có yếu tố so sánh như sau :

Yếu tố thứ nhất chỉ tính chất, trạng thái của SV/HT	Yếu tố thứ 2 chỉ SV/HT có tính chất, trạng thái chuẩn ý nghĩa cực cấp	Thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp có yếu tố so sánh
<i>bé</i>	<i>hạt tiêu</i>	<i>Bé hạt tiêu</i>
<i>gan</i>	<i>cóc tía</i>	<i>Gan cóc tía</i>
<i>giàu</i>	<i>nứt đố đố vách</i>	<i>Giàu nứt đố đố vách</i>
<i>thẳng</i>	<i>Ruột ngựa</i>	<i>Thẳng ruột ngựa</i>
<i>nghèo</i>	<i>rớt mùng tơi</i>	<i>Nghèo rớt mùng tơi</i>

3. Ý nghĩa “cực cấp” (superlative/superlatif) là một phạm trù phổ quát, ngôn ngữ nào cũng có hình thức biểu hiện. Thành ngữ biểu hiện ý nghĩa cực cấp trong tiếng Việt là hình thức biểu hiện khá độc đáo. Các nội dung trình bày chỉ là khởi thảo. Chúng tôi sẽ tiếp tục khảo sát vấn đề này sâu hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thế Dương (2005), *Tìm hiểu thành ngữ so sánh có yếu tố biểu thị động vật trong tiếng Việt và tiếng Pháp*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học Những vấn đề ngôn ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Tp.HCM.
- [4]. Đinh Trọng Lạc (1995), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Đinh Trọng Lạc (1999), *Phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Thế Lịch (2001), *Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ số 7.
- [7]. Nguyễn Thế Lịch (2005), *Yếu tố chuẩn trong cấu trúc so sánh nghệ thuật*. Tạp chí Ngôn ngữ số 7.
- [8]. Nguyễn Lực (2004), *Thành ngữ tiếng Việt*. NXB Thanh Niên, Tp.HCM.
- [9]. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội.

- [10]. Lã Thành (1988), *Từ điển thành ngữ Anh Việt*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
- [11]. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt* NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12]. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1998), *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.